

Bản án số: 103/2022/HS- ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ An Quân.

2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2022/TLST- HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/HSST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng M, sinh năm 1974 tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: Thôn K, xã A, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng B (đã chết) và bà Lê Thị B; vợ Vũ Thị P (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 222/2021/HSST ngày 08/7/2021, TAND thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2022 đến nay (hiện đang bị tạm giam tại Công an thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương). Có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị B, sinh năm 1963; địa chỉ: Số .., thị trấn Gi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1993; Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1984; Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1978;

(Bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng M làm nghề lao động tự do, không có chức năng, nhiệm vụ và khả năng xin việc cho người khác vào làm việc tại trường Chính trị tỉnh Hải Dương. Thông qua anh Nguyễn Đình T và anh Nguyễn Đình T, M biết bà Trần Thị B có con gái là chị Hoàng Thị G có nhu cầu xin việc làm. M nói với chị G sẽ xin được cho chị G vào làm Hợp đồng tại trường Chính trị tỉnh Hải Dương, chi phí là 200.000.000 đồng, nếu đồng ý thì M đưa hồ sơ xin việc và ứng trước số tiền 50.000.000 đồng. Bà B và chị G tưởng thật nên đồng ý. Khoảng tháng 9/2017, tại đầu ngõ Kim Sơn, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương bà B đã đưa M 50.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc của chị G. Khoảng 15 ngày sau, M gọi điện cho anh T nói "Em bảo cô B nhờ T đưa thêm cho anh 50.000.000 đồng nữa rồi nhờ T mang lên cho anh. Anh T hỏi M "Bao giờ G được đi làm", M trả lời "Chưa biết". Anh T đã trao đổi lại nội dung trên với bà B sau đó bà B đưa cho anh T đưa cho M 50.000.000 đồng, số tiền này M đã nhận và chi tiêu hết. Khoảng 5 ngày sau, M tiếp tục gọi điện cho anh T "Em bảo cô B chuyển thêm cho anh số tiền cho anh số tiền 100.000.000 đồng để anh lo việc, đến tháng 11 đi làm" và nhắn tin số tài khoản của M số 130.220.513.2466 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Trung Yên, Hà Nội, ngày 29/9/2017 bà B đưa cho chị G 100.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản của M, M đã nhận số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết.

Xác minh tại trường Chính trị tỉnh Hải Dương từ năm 2017 đến tháng 8/2021, trường không nhận được hồ sơ xin việc nào có tên Hoàng Thị G.

Sau khi phạm tội, M đã bỏ trốn, đến ngày 14/3/2022 M bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương.

Tại cáo trạng số 83/CT - VKSTPHD ngày 11-5-2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Nguyễn Trọng M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND thành phố Hải Dương là đúng, bị cáo xác định không có khả năng xin việc cho con gái bà B vào trường Chính trị tỉnh Hải Dương, nhưng bị cáo đã nói dối để bà B tin tưởng giao cho số tiền 200.000.000 đồng, sau khi nhận được tiền bị cáo đã chi tiêu hết số tiền trên, không xin được việc cho con bà B, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất và sẽ trả cho bà B số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Người bị hại vắng mặt đề nghị HĐXX buộc bị cáo M phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo M chiếm đoạt, về hình phạt đề nghị xử đúng theo quy định của pháp luật.

VKSND thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 48 BLHS; các điều: 584, 585, 587, 589 BLDS, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 14/3/2022; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; buộc bị cáo M phải bồi thường cho bà Trần

Thị B số tiền 200.000.000 đồng; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với chính lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản nhận dạng, biên bản giải trình ghi âm, người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 9/2017 tại thành phố Hải Dương Nguyễn Trọng M không có chức năng, nhiệm vụ và khả năng xin việc, nhưng đã hứa hẹn và cam kết sẽ xin được việc làm cho chị Hoàng Thị G vào làm việc tại trường Chính trị tỉnh Hải Dương, làm cho bà Trần Thị B mẹ đẻ chị G tưởng thật đã giao số tiền 200.000.000 đồng cho M, sau đó M đã bỏ trốn.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã dùng lời nói gian dối, làm cho bà B tin tưởng và giao số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Nên hành vi của bị cáo cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo với tội danh trên là phù hợp. Hành vi của bị cáo xảy ra trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999. Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa XIV, đây là quy định có lợi cho người phạm tội; Nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, nên cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân chưa tốt năm 2021 bị kết án; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình

sự, HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, nên cần phải buộc bị cáo M phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bị hại.

[9] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động kèm theo sim điện thoại, bị cáo dùng phương tiện phạm tội đã bị mất, cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương không thu hồi được, nên không xem xét và giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa XIV; điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 48 BLHS; điều 584, 585, 587, 589 BLDS; Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M 7 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 14/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Xử buộc bị cáo Nguyễn Trọng M phải bồi thường cho bà Trần Thị B, sinh năm 1963; địa chỉ: Số .., thị trấn G, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Kể từ ngày bà Trần Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, mà bị cáo M không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và còn phải nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết . / .

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan T.H.A. HS - Công an thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ nghiệp vụ- Công an thành phố Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tú

